TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 253/2025/HNGĐ-ST
Ngày 16/6/2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Nhu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng và bà Ngô Thị Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Bích Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 192/2025/TLST-HNGĐ ngày 18/4/2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 298/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn Q, xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương; hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 05/01/1982; nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn Q, xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương; hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1955 và bà Vũ Thị H1, sinh năm 1957; đều ở địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương.

4. Người được chị H ủy quyền về việc giao nhận văn bản tố tụng: Ông Nguyễn Việt H2, sinh năm 2000; địa chỉ: Số B ngõ D phố D, phường M, quận C, thành phố Hà Nội.

5. Người được anh T ủy quyền về việc giao nhận văn bản tố tụng: Bà Lô Thị Lan H3, sinh năm 2002; địa chỉ: Số B ngõ D phố D, phường M, quận C, thành phố Hà Nội.

(Chị H, anh T, ông T1, bà H1 vắng mặt và đều có quan điểm có xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương vào ngày 24/3/2004. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại địa phương, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Để phát triển kinh tế gia đình, anh chị cùng nhau đi lao động tại Đài Loan, thời gian sau này vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp. Mặc dù anh chị đã nhiều lần tìm biện pháp để hàn gắn tình cảm, gia đình hai bên đã khuyên bảo nhiều lần nhưng quan hệ hôn nhân không được cải thiện. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 10/01/2005, Nguyễn Thị Diễm Q, sinh ngày 14/7/2006, hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và Nguyễn Bảo K, sinh ngày 01/01/2013. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Bảo K cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, chị nhất trí việc tạm giao cháu K cho bố mẹ đẻ anh K chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh K không ở tại Việt Nam.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Về quan hệ hôn nhân, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn như chị H đã trình bày. Nay anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, anh chị không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H làm đơn xin ly hôn, anh đồng ý. Về con chung vợ chồng anh có ba con chung như chị H trình bày, đối với con chung Nguyễn Thị Quỳnh A, Nguyễn Thị Diễm Q hiện đã trưởng thành nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo K, anh tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Do điều kiện anh đang lao động tại nước ngoài, để tránh việc xáo trộn môi trường sinh hoạt, học tập của con chung nên anh đề nghị tạm giao con chung Nguyễn Bảo K cho bố mẹ đẻ anh là ông Nguyễn Văn T1 và bà

Vũ Thị H1 chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh không ở tại Việt Nam. Về tài sản chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Con chung Nguyễn Bảo K có nguyện vọng được ở cùng với bố là anh Nguyễn Văn T khi bố mẹ ly hôn.

Tại bản trình bày ý kiến, ông Nguyễn Văn T1 và bà Vũ Thị H1 (bố mẹ đẻ anh Nguyễn Văn T) trình bày: Chị H và anh T được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống ông bà nắm được anh chị xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi. Thực tế mâu thuẫn anh chị không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị H có đơn xin ly hôn là quyền quyết định của anh chị, ông bà đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật để giải quyết. Ông bà nhất trí sự ủy quyền của anh T về việc nuôi cháu Bảo K trong thời gian anh T không ở Việt Nam, không yêu cầu chị H, anh T cấp dưỡng cho cháu và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn T có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt, đồng thời giữ nguyên các ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Hồng ly H4 anh Nguyễn Văn T; Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Bảo K, sinh ngày 01/01/2013 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian anh T không ở Việt Nam, tạm giao con chung Nguyễn Bảo K cho ông T1, bà H1 chăm sóc, nuôi dưỡng; về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại thôn Q, xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương, hiện đang sinh sống tại Đài Loan. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a

khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, bị đơn anh Nguyễn Văn T hiện đang sinh sống tại Đài Loan, không về Việt Nam tham gia tố tụng. Chị Nguyễn Thị H đã làm đơn khởi kiện, bản tự khai còn anh Nguyễn Văn T làm bản tự khai gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, các tài liệu này đều có xác nhận của Văn phòng K1 tại Đ nên hợp pháp.

[1.3] Tại phiên tòa, chị H, anh T, ông T1, bà H1 vắng mặt và đều có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hải Dương, ngày 24/3/2004 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không hòa hợp, không cùng quan điểm sống. Gia đình đã khuyên bảo, động viên nhưng quan hệ hôn nhân không được cải thiện. Bản thân anh T xác định mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên cũng đồng ý ly hôn. HĐXX thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị H ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ nuôi con: Con chung của chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T là Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 10/01/2005, Nguyễn Thị Diễm Q, sinh ngày 14/7/2006, hiện đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét, giải quyết; đối với con Nguyễn Bảo K, sinh ngày 01/01/2013, cả chị H và anh T đều đề nghị Tòa án giao con chung Bảo Khánh cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Xét về thực tế cháu K đang ở cùng với ông T1, bà H1 (là bố mẹ đẻ anh T) và có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo sự ổn định và phát triển về mọi mặt của con chung, HĐXX chấp nhận giao cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng con chung Nguyễn Bảo K, và chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự và Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Trong thời gian anh T không ở Việt Nam, tạm giao cháu K cho ông T1, bà H1 chăm sóc, nuôi dưỡng.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Hồng ly H4 anh Nguyễn Văn T.

2. Về quan hệ nuôi con: Giao cho anh Nguyễn Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Bảo K, sinh ngày 01/01/2013 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong thời gian anh Nguyễn Văn T không có mặt tại Việt Nam, tạm giao con chung là Nguyễn Bảo K cho ông Nguyễn Văn T1 và bà Vũ Thị H1 chăm sóc, nuôi dưỡng.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí do ông Nguyễn Việt H2 đã nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001775 ngày 18 tháng 4 năm 2025 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (để ghi sổ hộ

tịch);

Đoàn Thị Hương Nhu

- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN.